TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 194/2020/QĐST-HNGĐ	*Ba Tri, ngày 20 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn*: **Chị Phan Thị Nguyệt A, sinh năm 1983**

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. *Bị đơn*: **Anh Trần Văn R, sinh năm 1976.**

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Nguyệt A và anh Trần Văn R. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 18/03/2019 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị Phan Thị Nguyệt A và anh Trần Văn R thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Phan Thiên P, sinh ngày 10/02/2019. Chị Phan Thị Nguyệt A có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị A tự nguyện không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn R có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: không có.

2.5 Án phí hôn nhân và gia đình do hòa giải thành được giảm 50% là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) chị Phan Thị Nguyệt A đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000130 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Sau khi khấu trừ, chị A được nhận số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rẻn